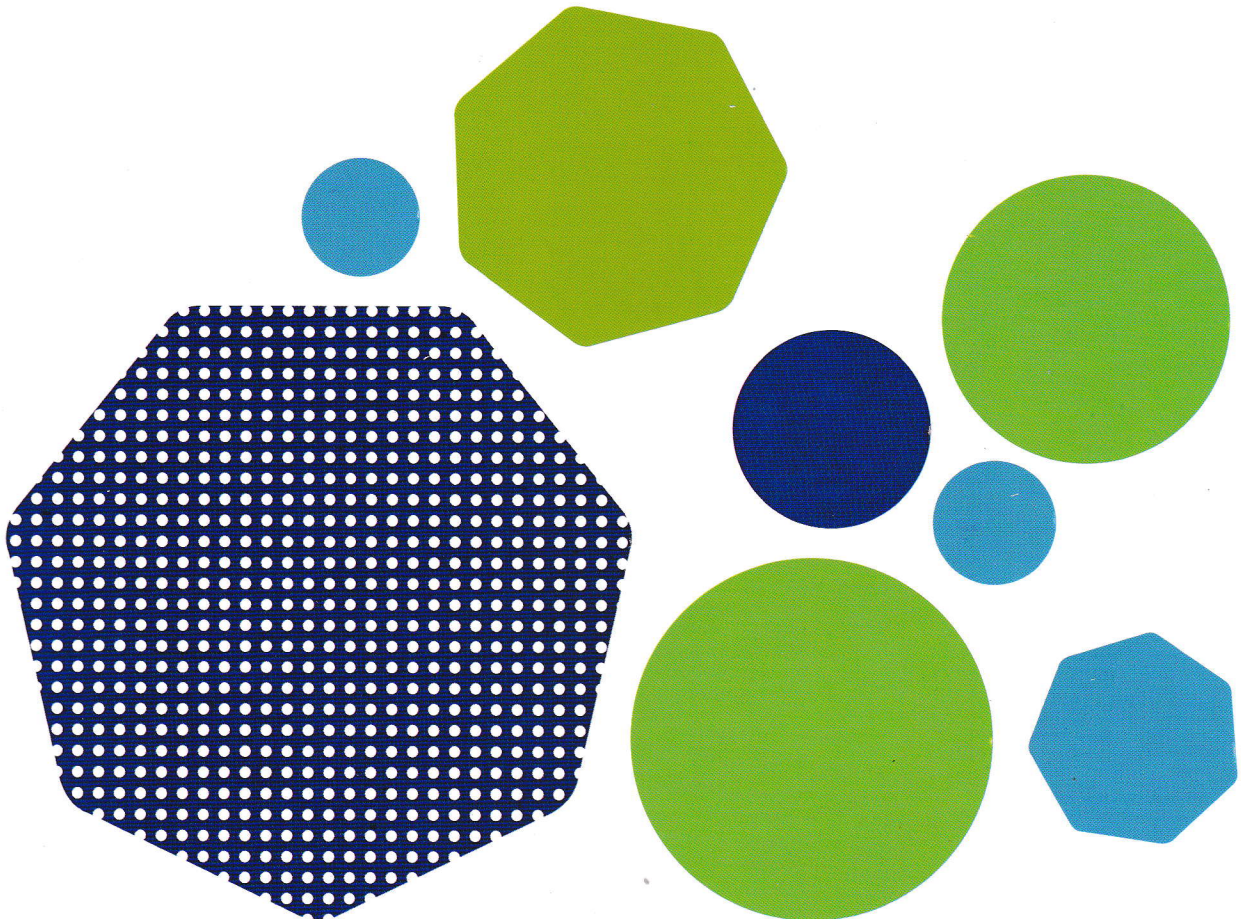


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Xuân Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch	Từ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên độc lập	
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên độc lập	

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Khánh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Thùy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư
và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam*
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/08/2024, từ trang 07 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty con của Công ty đang ghi nhận khoản tạm ứng cho cá nhân với giá trị khoảng 22,1 tỷ đồng. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng và thực hiện trích lập dự phòng 100% vào Báo cáo tài chính năm 2023. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính giá trị, khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản tạm ứng này. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó chúng tôi không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết cũng như tính hiện hữu của khoản tạm ứng này và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở của ý kết luận ngoại trừ (tiếp)

Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ bao gồm hợp đồng vay/khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Xác nhận của Ngân hàng và các hồ sơ khác có liên quan đến Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô hiện đã quá hạn trên 03 năm, đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Việt Nam với giá trị tại ngày 30/06/2024 khoảng 28 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 khoảng 28 tỷ đồng). Công ty Gang thép đã dừng tính và ghi nhận lãi vay của các khoản vay này. Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024 của Công ty Gang thép, đồng thời làm thay đổi Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi không có cơ sở ước tính số lãi có thể phát sinh. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các khoản mục có liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Liên quan đến khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty với giá trị tại ngày 30/06/2024 khoảng hơn 8,8 tỷ đồng (Tại ngày 31/12/2023 số tiền là 8,8 tỷ đồng - chi tiết tại Thuyết minh số 15) phát sinh tại Công ty Gang thép (Công ty con), Công ty Gang thép đã thực hiện dừng ghi nhận lãi vay của các khoản vay này với giá trị lũy kế đến ngày 30/06/2024 ước tính khoảng 16,75 tỷ đồng (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 khoảng 750 triệu đồng). Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ làm tăng chi tiêu Chi phí tài chính và giảm Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 khoảng 750 triệu đồng, chi tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm khoảng 16,75 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (ảnh hưởng đến 31/12/2023 là khoảng 16 tỷ đồng).

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo kết luận của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vi, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán đã trình bày.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 111/2023/ASCO/BCKT ngày 29/08/2023 với kết luận chấp nhận toàn phần.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Mẫu số B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.412.634.245	30.252.114.802
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	958.636.325	1.136.006.529
Tiền	111		958.636.325	1.136.006.529
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.655.673.200	27.236.640.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	12.746.546.800	26.936.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	12.909.126.400	300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	22.105.917.054	22.105.917.054
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(22.105.917.054)	(22.105.917.054)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.798.324.720	1.879.468.273
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.798.324.720	1.879.468.273
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.102.585.677	277.901.190.445
Các khoản phải thu dài hạn	210		442.074.926	442.074.926
Phải thu dài hạn khác	216	12	442.074.926	442.074.926
Tài sản cố định	220		41.371.513.115	43.299.888.875
Tài sản cố định hữu hình	221	11	41.371.513.115	43.299.888.875
- Nguyên giá	222		73.558.675.656	73.558.675.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.187.162.541)	(30.258.786.781)
Tài sản dở dang dài hạn	240	7	201.394.644.636	201.394.644.636
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		201.394.644.636	201.394.644.636
Tài sản dài hạn khác	260		30.894.353.000	32.764.582.008
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	263.024.864	382.892.264
Lợi thế thương mại	269	8	30.631.328.136	32.381.689.744
TỔNG TÀI SẢN	270		302.515.219.922	308.153.305.247

Mẫu số B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		37.717.557.683	40.741.407.243
Nợ ngắn hạn	310		37.717.557.683	40.741.407.243
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	234.651.040	3.258.500.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	21.952.809	21.952.809
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	539.184.834	539.184.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	36.921.769.000	36.921.769.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		264.797.662.239	267.411.898.004
Vốn chủ sở hữu	410	17	264.797.662.239	267.411.898.004
Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.710.743.505)	(20.202.027.857)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.202.027.857)	1.373.899.282
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.508.715.648)	(21.575.927.139)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		40.497.916.653	40.603.436.770
TỔNG NGUỒN VỐN	440		302.515.219.922	308.153.305.247

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thuý Linh

Mẫu số B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	13.933.146.800	41.524.583.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	13.933.146.800	41.524.583.902
Giá vốn hàng bán	11		13.575.116.024	40.989.094.272
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		358.030.776	535.489.630
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	50.706	322.180.964
Chi phí tài chính	22		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	2.568.183.911	1.546.400.829
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.210.102.429)	(688.730.235)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	23	404.133.336	309.993.597
Lợi nhuận khác	40		(404.133.336)	(309.993.597)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.614.235.765)	(998.723.832)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	13.999.761
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.614.235.765)	(1.012.723.593)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(2.508.715.648)	(959.997.351)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(105.520.117)	(52.726.242)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(101,50)	(38,84)

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thùy Linh

Mẫu số B03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.614.235.765)	(998.723.832)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.678.737.368	2.601.491.564
Lãi hoạt động đầu tư	05	(50.706)	(322.180.964)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.064.450.897	1.280.586.768
Tăng giảm các khoản phải thu	09	1.662.110.353	(7.194.730.233)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		-
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.023.849.560)	5.416.601.841
Tăng giảm chi phí trả trước	12	119.867.400	117.495.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(32.121.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(177.420.910)	(412.167.558)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	812.449.471
Tiền thu lãi vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	50.706	120.115.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.706	932.565.435
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(177.370.204)	520.397.877
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.136.006.529
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	958.636.325
			1.191.886.542

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

VKh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 28/04/2023 là: 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là FID.

Trụ sở chính của Công ty tại: VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác kim loại và bán buôn.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê; Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; Nhà không phải để ở bao gồm khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại; Đất; Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; Mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; Hoạt động mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: sản xuất gạch bằng lò luyện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt:
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt)
- Khai thác kim loại khác không phải sắt
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (Quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, ăngtimon...)
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính Dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01/04/2023, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) – Công ty liên kết giảm vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCD ngày 01/04/2023 từ 480 tỷ đồng xuống còn 200 tỷ đồng. Sau khi giảm vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam trở thành công ty mẹ với tỷ lệ quyền biểu quyết và quyền kiểm soát tại Công ty Gang thép là 76,82%.

Như trình bày tại thuyết minh số 7 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vĩ, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty kiểm soát (Các Công ty con) được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.3 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 200), Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202).

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200, Thông tư 202, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính cũng như các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

4.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong 6 tháng đầu năm 2024. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thể thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thể thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thể thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thể thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thể thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh.

4.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó: Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn); Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	15

4.7 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản vốn khác.

4.9 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận.

4.10 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

4.12 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 THUẾ (TIẾP)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	949.231.425	1.126.150.146
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.404.900	9.856.383
	958.636.325	1.136.006.529

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dài hạn	263.024.864	382.892.264
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	241.691.536	341.870.185
- Chi phí trả trước dài hạn khác	21.333.328	41.022.079
	263.024.864	382.892.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền 201.394.644.636 đồng phản ánh các chi phí hạ tầng khai thác mỏ của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con tại mỏ sắt xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và mỏ sắt Thượng Cừ, Thanh Sơn, Phú Thọ. Hiện tại, Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ hai mỏ sắt này đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch. Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vì, xã Thượng Cừ, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

Ngày 29/09/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra Báo cáo thẩm định Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo Báo cáo số 471/BC-SKH&ĐT. Ngày 02/08/2021, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Sơn đã ra Văn bản số 1161/UBND-TN&MT về việc thực hiện dự án Đầu tư, khai thác chế biến quặng sắt tại xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 05/7/2021, Thường trực tỉnh ủy Phú Thọ có văn bản số 300-TB/TU thông báo ý kiến chỉ đạo của thường trực tỉnh ủy cho Ban cán sự Đảng ủy, UBND với nội dung: “Về chủ trương: Đồng ý cho Công ty đầu tư dự án đầu tư khai thác chế biến quặng sắt tại Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ như đề nghị của Ban cán sự đảng ủy, UBND tỉnh Phú Thọ tại văn bản số 121-CV/BCS ngày 23/6/2021 với diện tích 10ha”. Công ty đang tiếp tục làm việc để xin phê duyệt chủ trương đầu tư từ UBND tỉnh và dự kiến sẽ hoàn thành việc này trong năm 2024.

8. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Tại ngày 01/01/2024	32.381.689.744
Tăng trong kỳ	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(1.750.361.608)
Tại ngày 30/06/2024	<u>30.631.328.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
 VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
 phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

9. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Global	-	-	8.822.200.000	-
- Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Truyền Thống	-	-	17.828.240.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Bùi Gia	12.343.146.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái	403.400.000	-	286.200.000	-
	12.746.546.800	-	26.936.640.000	-

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam	10.849.126.400	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quang Dương	1.700.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư CALICAP	360.000.000	-	300.000.000	-
	12.909.126.400	-	300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
 VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
 phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
 đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

12. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	22.105.917.054	(22.105.917.054)	22.105.917.054	(22.105.917.054)
- Tiền tạm ứng của các cán bộ nhân viên	22.105.917.054	(22.105.917.054)	22.105.917.054	(22.105.917.054)
Dài hạn	442.074.926	-	442.074.926	-
- Ký cược, ký quỹ	442.074.926	-	442.074.926	-
	22.547.991.980	(22.105.917.054)	22.547.991.980	(22.105.917.054)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Nông sản Thiên Hương	-	-	2.229.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh	-	-	1.002.000.000	-
- Các đối tượng khác	234.651.040	234.651.040	27.500.600	27.500.600
	234.651.040	234.651.040	3.258.500.600	3.258.500.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2024		Số đã nộp/bù trừ trong kỳ		Số phải nộp trong kỳ		01/01/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	-		127.200.000		127.200.000		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.749.655		-		-		10.749.655	
- Thuế thu nhập cá nhân	11.203.154		-		-		11.203.154	
- Các loại thuế khác	-		6.000.000		6.000.000		-	
	21.952.809		133.200.000		133.200.000		21.952.809	

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	36.921.769.000	36.921.769.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	28.040.769.000	-	-
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam	8.881.000.000	8.881.000.000	-	-
	36.921.769.000	36.921.769.000	-	-
			Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
			36.921.769.000	36.921.769.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Số dư vay quá hạn chưa thanh toán như sau:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Gốc vay VND	Lãi vay VND	Gốc vay VND	Lãi vay VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	28.040.769.000	-	28.040.769.000	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Việt Nam - CN Sở giao dịch (1)	8.881.000.000	-	8.881.000.000	-
	36.921.769.000	-	36.921.769.000	-

Các khoản vay ngân hàng của Công ty đang thuộc nhóm nợ xấu Nhóm 5: (Nợ có khả năng mất vốn): Là khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.

(1) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm:

- Bất động sản của bên liên quan;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Xóm Vi, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ;
 - Quyền khai thác mỏ sắt và các quyền lợi phát sinh từ mỏ quặng sắt tại Chòi Hãn, xã Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.
- Các tài sản này đã được đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	539.184.834	539.184.834
- Bảo hiểm xã hội	476.278.239	476.278.239
- Bảo hiểm y tế	41.359.658	41.359.658
- Bảo hiểm tai nạn lao động	1.995	1.995
- Bảo hiểm thất nghiệp	18.169.302	18.169.302
- Kinh phí công đoàn	3.375.640	3.375.640
	539.184.834	539.184.834

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	-	248.384.388.373
- Lỗ trong năm	-	-	(21.575.927.139)	(5.754.380.968)	(27.330.308.107)
- Tặng do hợp nhất công ty con	-	-	-	46.357.817.738	46.357.817.738
31/12/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(20.202.027.857)	40.603.436.770	267.411.898.004
01/01/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(20.202.027.857)	40.603.436.770	267.411.898.004
- Lỗ trong kỳ	-	-	(2.508.715.648)	(105.520.117)	(2.614.235.765)
30/06/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(22.710.743.505)	40.497.916.653	264.797.662.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Thu	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	227.159.580.000	227.159.580.000
	247.159.580.000	247.159.580.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	247.159.580.000	247.159.580.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.715.958	24.715.958
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.590.000.000	1.590.000.000
Doanh thu bán hàng hóa	12.343.146.800	39.934.583.902
	13.933.146.800	41.524.583.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.524.242.424	1.524.242.424
Giá vốn hàng hóa đã bán	12.050.873.600	39.464.851.848
	13.575.116.024	40.989.094.272

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.706	322.180.964
	50.706	322.180.964

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng	119.867.400	117.495.354
Chi phí nhân công	122.400.000	99.900.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	202.068.336
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.377.115	224.716.583
Lợi thế thương mại phân bổ	1.750.361.608	875.180.804
Chi phí bằng tiền khác	12.177.788	24.039.752
	2.568.183.911	1.546.400.829

22. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	119.867.400	117.495.354
Chi phí nhân công	122.400.000	99.900.000
Khấu hao tài sản cố định	1.524.242.424	1.726.310.760
Lợi thế thương mại phân bổ	1.750.361.608	875.180.804
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.377.115	224.716.583
Chi phí khác bằng tiền	12.177.788	24.039.752
	4.092.426.335	3.070.643.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

23. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao máy xúc	404.133.336	-
Điều chỉnh BXXH, BHYT, BHTN		309.993.597
	404.133.336	309.993.597

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam	-	13.999.761
	-	13.999.761

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.508.715.648)	(959.997.351)
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.508.715.648)	(959.997.351)
- Số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	24.715.958	24.715.958
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(101,50)	(38,84)

26. BÊN LIÊN QUAN

26.1 Danh sách các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Ông Hà Xuân Trường
Ông Nguyễn Đức Toàn
Bà Bùi Thùy Linh
Bà Hoàng Thị Tuyết Lan
Ông Nguyễn Hữu Thọ
Ông Nguyễn Thành Trung

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT độc lập
Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc
Trưởng Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát
Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

26. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

26.2 Giao dịch và số dư với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	47.400.000	47.400.000
	47.400.000	47.400.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán, số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Ngô Văn Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thuý Linh